

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2025/DS-ST
Ngày 28-02-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Xong Pha;
2. Bà Đỗ Mỹ Lil.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thuý Vân, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trương Chí Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1067/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Quốc D, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp V, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 29 tháng 10 năm 2024); có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Phan Văn N, sinh năm 1989; địa chỉ: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

2. Bà Đặng Thị Ú, sinh năm 1992; địa chỉ: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 10 năm 2024, nguyên đơn ông Ngô Văn Đ cũng như lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Võ Quốc D thống nhất trình bày:

Thời gian trước đây ông có bán thủy hải sản cho vợ chồng ông Phan Văn N và bà Đặng Thị Út . Ông giao thủy hải sản cho vợ chồng ông N, bà Ú nhưng ông N, bà Ú chưa trả tiền cho ông. Đến ngày 11 tháng 7 năm 2024 vợ chồng ông N, bà Ú nợ ông số tiền mua thủy hải sản do ông bán là 558.000.000 đồng. Hai bên có lập Tờ nhận nợ. Ông đã liên hệ đòi nợ nhiều lần nhưng ông N, bà Ú cứ hứa hẹn rồi không trả số tiền nêu trên cho ông. Nay ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Văn N và bà Đặng Thị Ú phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 558.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Phan Văn N và bà Đặng Thị Ú không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý, đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng theo giấy triệu tập của tòa. Về nội dung, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Ngô Văn Đồng khởi K yêu cầu ông Phan Văn N và bà Đặng Thị Ú trả nợ từ hoạt động mua bán hàng nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phan Văn N và bà Đặng Thị Ú có nơi cư trú tại khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

[2] Ông Phan Văn N, bà Đặng Thị Ú đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà Ú.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Văn N, bà Đặng Thị Ú không

cung cấp văn bản trình bày ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án, chỉ có ông Ngô Văn Đ cung cấp tài liệu chứng cứ. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào những tài liệu chứng cứ này cùng tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Ngô Văn Đ kiện yêu cầu vợ chồng ông Phan Văn N, bà Đặng Thị Ú trả số tiền 558.000.000 đồng từ giao dịch mua bán. Ông Đ cung cấp tờ nhận nợ ngày 11 tháng 7 năm 2024 có chữ ký của ông N1, bà Ú xác nhận ông N1, bà Ú nợ ông Đ số tiền 558.000.000 đồng như ông Đ yêu cầu. Ngoài tờ nhận nợ này, tại biên bản ghi lời khai ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T vợ chồng ông N, bà Ú thừa nhận có nợ của ông Đ 558.000.000 đồng từ việc mua bán hải sản. Như vậy, ông N, bà Ú nợ ông Đ 558.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó, áp dụng Điều 430, Điều 440, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ ông N, bà Ú có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đ số tiền 558.000.000 đồng. Ông Đ không yêu cầu về lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, vợ chồng ông N, bà Ú phải chịu 20.000.000 đồng + (158.000.000 đồng x 4%) = 26.320.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Vì toàn bộ yêu cầu của ông Đ được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc vợ chồng ông Phan Văn N, bà Đặng Thị Ú trả cho ông Ngô Văn Đ số tiền 558.000.000 đồng (năm trăm năm mươi tám triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Vợ chồng ông Phan Văn N, bà Đặng Thị Ú phải chịu 26.320.000 (hai mươi sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại ông Ngô Văn Đ 13.160.000 (mười ba triệu một trăm sáu mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Đ đã nộp theo biên lai thu số 0005025 ngày 11 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hợp